

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà L, số 210 đường K, phường T, quận K, thành phố N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến D - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh T (Theo Quyết định ủy quyền thừa hiện hoạt động tố tụng số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Bùi Trí Q, sinh năm 1990;

2. Ông Lê Đăng D1, sinh năm 1985;

3. Ông Lê Tiến D, sinh năm 1982;

4. Ông Hoàng Quốc H, sinh năm 1998;

(Theo Giấy ủy quyền số 158/2023/UQ-LPBANK.TH ngày 31/7/2023)

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị N - sinh năm 1991;

Anh Phạm Văn C - sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Phố 4, phường C, TP. T, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP B và chị Lê Thị N, anh Phạm Văn C xác nhận ngày 29/7/2020 giữa hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD4232020297 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 220.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai triệu đồng*); Phương thức vay: Từng lần; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền xây nhà tại địa chỉ Thôn 8, phường C, TP T, tỉnh T; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất cho vay: 12.1%/năm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày; Phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Tính đến ngày 18/9/2023, tổng số tiền chị N và anh C còn nợ Ngân hàng là: 155.177.759 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc: 153.400.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.777.759 đồng.

Hai bên thống nhất được phương án trả nợ như sau:

Chị N và anh C sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các kỳ:

- Kỳ thứ 1: Ngày 25/10/2023, trả số tiền 55.000.000 đồng, trừ vào số tiền gốc;
- Kỳ thứ 2: ngày 15/11/2023, trả số tiền 23.000.000 đồng, trừ vào số tiền gốc;
- Kỳ thứ 3: ngày 15/12/2023, trả số tiền 23.000.000 đồng, trừ vào số tiền gốc;
- Kỳ thứ 4: ngày 15/01/2024, trả số tiền 23.000.000 đồng, trừ vào số tiền gốc;
- Kỳ thứ 5: ngày 15/02/2024, trả số tiền 23.000.000 đồng, trừ vào số tiền gốc;
- Kỳ thứ 6: ngày 15/03/2024, thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng (bao gồm số tiền gốc còn lại là 6.400.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày thực trả).

Kể từ ngày 19/9/2023, chị N và anh C tiếp tục phải chịu các khoản lãi, lãi quá hạn tính trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD4232020297 ngày 29/7/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu chị N, anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các kỳ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 192129, do UBND TP. T cấp ngày 30/06/2020, số vào sổ cấp GCN: CH 01736 cho anh Phạm Văn C. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 297/2020/HĐTC/PGDHAULOC ngày 28/7/2020.

Trường hợp, sau khi cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mãi tài sản mà không đủ thanh toán khoản vay thì chị N và anh C có nghĩa vụ phải tiếp tục trả toàn bộ số nợ còn lại và chi phí phát sinh cho Ngân hàng.

Chị N và anh C tự nguyện hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm.

3. Về án phí: Chị N và anh C phải chịu 3.880.000 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.402.000 đồng (bốn triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003014 ngày 11/5/2023.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh